

VĂN BẢN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được khái niệm văn bản văn học, hiểu các đặc điểm ngôn từ và hình tượng của văn bản văn học.*
- *Bước đầu biết vận dụng kiến thức trên để đọc - hiểu văn bản văn học.*

I – KHÁI NIỆM VĂN BẢN VĂN HỌC

Văn bản văn học (còn gọi là *văn bản nghệ thuật*, *văn bản văn chương*) là sản phẩm của tiến trình lịch sử. Văn bản văn học rất đa dạng và phong phú. Nhìn chung, có thể hiểu văn bản văn học theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng, văn bản văn học là tất cả các văn bản sử dụng ngôn từ một cách nghệ thuật. Theo nghĩa này thì không chỉ văn bản thơ, truyện, kịch, mà cả các văn bản hịch, cáo, chiếu, biểu, sử kí của thời trung đại hoặc kí, tạp văn của thời hiện đại,... đều có thể coi là văn bản văn học.

Theo nghĩa hẹp, văn bản văn học chỉ bao gồm các sáng tác có hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng hư cấu (tức là tạo ra những hình tượng bằng tưởng tượng) như sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, thơ, phú,...

Vì văn bản văn học theo nghĩa hẹp vừa có ngôn từ nghệ thuật vừa có hình tượng nghệ thuật nên trong một mức độ nhất định, nó cũng giúp hiểu ngôn từ của văn bản văn học theo nghĩa rộng. Muốn đọc - hiểu văn bản văn học không thể không tìm hiểu các đặc điểm của nó.

II – ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN VĂN HỌC

Văn bản văn học được sáng tạo bằng ngôn từ. Ngoài các đặc điểm chung như các văn bản khác, văn bản văn học có đặc điểm riêng là mang tính chất nghệ thuật và thẩm mỹ.

1. Đặc điểm về ngôn từ

a) Ngôn từ văn học có tính nghệ thuật và thẩm mỹ. Các yếu tố âm thanh, từ ngữ, kiểu câu,... trong văn bản văn học đều được lựa chọn, trau chuốt, sắp xếp theo một trật tự đặc biệt, nhiều khi khác thường nhằm tạo nên vẻ đẹp và sức hấp dẫn. Chẳng hạn, trong bài ca dao sau :

*Bây giờ mạn mới hỏi đào,
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?
Mạn hỏi thì đào xin thưa,
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

cách sử dụng hình ảnh, lời đối đáp, vần nhịp ở đây tạo thành tính nghệ thuật. Vẻ đẹp, sức hấp dẫn của hình tượng làm nên tính thẩm mỹ.

b) Ngôn từ văn học dùng để sáng tạo hình tượng, tức là nói tới một thế giới tưởng tượng. Giá trị của ngôn từ văn học không phải là nói đúng các sự thật cụ thể

như một thông tin báo chí, mà là dựng lên được bức tranh của đời sống chân thật, sinh động trong trí tưởng tượng của con người. Các nhân vật như Đôn Ki-hô-tê, Dế Mèn, lão Hạc, chị Dậu,... dù có ít nhiều nguyên mẫu của thực tế, nhưng đều là nhân vật hư cấu. Gia Cát Lượng trong *Tam quốc diễn nghĩa*, Nguyễn Huệ trong *Hoàng Lê nhất thống chí*,... tuy là nhân vật có thật trong lịch sử, nhưng đã được tái tạo bằng tưởng tượng. Người kể chuyện trong truyện, nhân vật trữ tình (xưng *tôi*, xưng *anh*, xưng *em*,...) trong thơ cũng đều không đồng nhất với tác giả ở ngoài đời. Đặc điểm này cho phép văn bản văn học có thể thoát li các sự thật cụ thể, cá biệt để nói đến các sự thật có tính khái quát của xã hội và con người (sẽ học ở phần sau).

c) Ngôn từ văn học do yêu cầu sáng tạo hình tượng mà có tính biểu tượng và đa nghĩa. Biểu tượng trong văn học là những hình ảnh cụ thể, sinh động, gợi cảm, nhưng lại mang ý nghĩa quy ước của nhà văn hoặc của người đọc. Các từ ngữ thông thường như *hoa*, *cỏ*, *nắng*, *gió*, *mưa*, *bão*, *xuân*, *thu*,... khi đi vào văn bản văn học đều có thể trở thành những biểu tượng nghệ thuật mang nội dung cảm xúc và khái quát. Ví dụ, trong bài *Ta đi tới*, Tố Hữu viết :

*Mẹ ơi lau nước mắt,
Làng ta giặc chạy rồi.
Tre làng ta lại mọc.
Chuối vườn ta xanh chồi.
Trâu ta ra bãi ra đồng,
Đồng ta lại hát hơn mười năm xưa.*

Từ *mẹ* là biểu tượng về người mẹ Việt Nam nói chung, không nhất thiết nói riêng người mẹ cụ thể nào. *Nước mắt* cũng không chỉ nói về nước mắt mà còn là biểu tượng của đau thương, mất mát, đắng cay, tủi nhục mà dân ta đã phải chịu đựng trong thời kì quê hương bị giặc chiếm đóng. Những *tre*, *chuối*, *trâu*, *bãi*, *đồng*, *tiếng hát*,... không chỉ là hình ảnh cụ thể, mà còn là biểu tượng về quê hương được giải phóng. Tính biểu tượng làm cho ngôn từ văn học có khả năng biểu đạt sâu, rộng và phong phú hơn so với ngôn từ trong giao tiếp thông thường.

Do tính biểu tượng mà ngôn từ văn học thường có tính đa nghĩa, biểu hiện những ý ngoài lời. Trong văn học, tính đa nghĩa thể hiện ở chỗ một từ trong văn bản đồng thời có thể mang nhiều nghĩa. Chẳng hạn, câu thơ Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* tả nỗi đau của Thúy Kiều khi tiễn Thúc Sinh về nhà :

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*

Các từ *vàng trắng*, *ai*, *xẻ* đều hàm chứa nhiều nghĩa. *Vàng trắng* không chỉ là mặt trăng, mà còn là biểu tượng của hạnh phúc tròn đầy. *Ai* đây là số phận hay chính là Kiều, người đã khuyên Thúc Sinh về nhà? *Xẻ* là cắt chia mà cũng là nỗi đau đứt ruột của nhân vật và dự cảm về sự chia li mãi mãi về sau.

Trong câu thơ Nguyễn Du tả tiếng đàn Thuý Kiều khi hầu rượu Hồ Tôn Hiến :

*Một cung gió thấm mưa sâu
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay*

hai chữ *nhỏ máu* có nỗi đau của tiếng đàn, của con người và hình như có cả nỗi đau của chính cây đàn nữa !

Đôi khi một cụm từ mà có thể hiểu nhiều cách, không dễ xác định, ví như câu kết trong bài *Đồng chí* của Chính Hữu :

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới.
Đầu súng trăng treo.*

Đầu súng trăng treo có thể là biểu tượng về vẻ đẹp của cuộc chiến đấu hoặc biểu tượng của lí tưởng và niềm tin gắn bó những người đồng chí.

Các đặc điểm về ngôn từ trên đây làm cho văn bản văn học có giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ.

2. Đặc điểm về hình tượng

a) Hình tượng văn học là thế giới đời sống do ngôn từ gợi lên trong tâm trí người đọc. Từng câu, từng chữ của văn bản với các chi tiết về hành vi, lời nói, chân dung của con người, màu sắc của ngoại cảnh cùng với cách bố cục, kết cấu của tác giả,... dần dần gợi ra thế giới của những con người có cuộc sống riêng. Đó chính là hình tượng nghệ thuật. Gợi thế giới đó là hình tượng vì tuy cũng sống động, hấp dẫn giống như cuộc sống thật, nhưng nó chỉ tồn tại đối với trí tưởng tượng và trong tưởng tượng.

b) Hình tượng văn học là một phương tiện giao tiếp đặc biệt. Hình tượng văn học không chỉ là thế giới đời sống, mà còn là một thế giới "biết nói". Thông qua các chi tiết, nhân vật, cảnh vật và quan hệ giữa các nhân vật, nhà văn truyền cho người đọc cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ về cuộc đời, gợi lên một cách hiểu, một quan niệm về cuộc sống. Ví dụ, bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương tái hiện tấm lòng người con miền Nam ra thăm lăng Bác, qua các biểu tượng và liên tưởng, đối sánh như : hàng tre bên lăng – hàng tre Việt Nam ; mặt trời thiên nhiên – mặt trời trong lăng ; dòng người viếng – tràng hoa thương nhớ ; giấc ngủ vĩnh hằng –

ánh trăng dịu hiền ; nước mắt xót thương và khát vọng hoá thân làm con chim, đoá hoa, cây tre quanh lăng,... Tác giả đã gửi đến người đọc một thông điệp về tình yêu sâu nặng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và lời nguyện ước muốn sống xứng đáng với Người.

Nói hình tượng văn học là một phương tiện giao tiếp vì nó vừa biểu hiện một hiện tượng đời sống, vừa hàm chứa các ý nghĩa khái quát do tác giả gửi gắm mà người đọc cần phải "đọc" ra. Vì vậy, đọc - hiểu văn bản văn học chính là thực hiện quá trình giao tiếp giữa người đọc và tác giả.

LUYỆN TẬP

1. Nêu ví dụ về các tác phẩm thuộc văn bản văn học theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Cho biết hai loại văn bản ấy giống và khác nhau ở chỗ nào ?
2. Phân tích tính nghệ thuật và tính thẩm mỹ trong ngôn từ của các đoạn thơ, đoạn văn sau đây bằng cách chỉ ra các biện pháp tả cảnh để biểu hiện tình cảm nhân vật, tính chất sinh động, gợi cảm của cảnh vật và nhân vật trong từng đoạn thơ, đoạn văn ấy :

- a)
- Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khe,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

b) *Dứt lời, ông bước vội ra ngoài. Trời xanh lồng lộng, có những tầng mây sáng chói, lù đù. Đường vắng hẵn người qua lại. Họ dạt vào các khoảnh bóng cây tránh nắng. Một vài tiếng động nhẹ khẽ gợn lên, oi ả.*

Ông Hai đi nghênh ngang giữa đường vắng, cái đầu cung cúc lao về phía trước. Hai tay vung vẩy, nhấp nhồm. Gặp ai quen ông lão cũng nín lại, cười cười :

– Nắng này là bỏ mẹ chúng nó !

(Kim Lân – Làng)

3. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của một số từ ngữ trong đoạn thơ sau :

*Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.*

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.
Đồng chí!*

(Chính Hữu – *Đồng chí*)

4. Nêu đặc điểm của hình tượng văn học. Hãy phân tích sự thể hiện của các đặc điểm ấy qua các đoạn thơ, đoạn văn trích ở bài luyện tập 2, 3.
5. Tại sao có thể nói hình tượng văn học là một thông điệp ?